

HƯỚNG DẪN

**Tuyên truyền Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 05/5/2020
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW,
ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị**

Ngày 05/5/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng hướng dẫn tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Tuyên truyền rộng rãi nội dung cơ bản của Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 51-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Từ đó, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và người dân về vấn đề quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Trên cơ sở đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc thực hiện các nội dung, giải pháp mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra.

2. Yêu cầu:

Công tác tuyên truyền cần thực hiện thường xuyên, chủ động, tích cực, có trọng tâm, trọng điểm với nhiều hình thức linh hoạt, sáng tạo; kết hợp lồng ghép với tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của đất nước theo tinh thần đổi mới, thiết thực, hiệu quả.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN:

1. Tuyên truyền quan điểm, mục tiêu cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh.

2. Tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp chung và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực (nguồn nhân lực; nguồn vật lực; nguồn tài lực).

3. Tuyên truyền, phổ biến những điển hình tiên tiến, những việc làm hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả theo phương châm lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy cái đẹp dẹp cái xấu; phản ánh những nơi làm chưa tốt, kém hiệu quả về việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để có giải pháp khắc phục.

Đồng thời tích cực đấu tranh, ngăn chặn, phản bác kịp thời, hiệu quả những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, những thông tin bịa đặt của các thế lực thù địch.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN:

1. Tuyên truyền, phổ biến Chương trình hành động của Tỉnh ủy trong việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân thông qua hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, các buổi sinh hoạt thường kỳ, các hoạt động tập thể của các tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể các cấp, các tổ chức quần chúng, cụm dân cư;...

2. Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Đài truyền thanh các huyện, thị, thành phố; trang thông tin điện tử của tỉnh, huyện, các sở, ban, ngành...); tuyên truyền thông qua các hội thi và các hình thức khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn, định hướng tuyên truyền việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, công tác quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 39-CT/TW, kế hoạch thực hiện Nghị quyết của các ban ngành, địa phương, đơn vị; tăng cường hoạt động của đội ngũ báo cáo viên trong công tác tuyên truyền; đăng tin, bài định hướng trên Thông tin Sinh hoạt chi bộ; nắm bắt tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kịp thời đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

2. Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tham mưu cấp ủy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, sự đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra công tác tuyên truyền gắn với việc tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và cộng tác viên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nắm bắt tư tưởng, tâm trạng cán bộ, đảng viên, Nhân dân; kịp thời đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên và nhân dân tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đẩy mạnh hoạt động giám sát, phản biện về công tác này.

4. Sở Thông tin - Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Nhà báo tỉnh quản lý, định hướng các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, bản tin, trang thông tin, website của các ngành, địa phương tăng lượng tin, bài tuyên truyền về Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch, mở các chuyên trang, chuyên mục tập trung tuyên truyền, phổ biến về những nội dung cơ bản trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phân công cán bộ, phóng viên bám sát địa bàn, kịp thời phản ánh tình hình thực hiện ở cơ sở; quan tâm tuyên truyền, biểu dương những gương điển hình tiên tiến của các tập thể, cá nhân, mô hình sáng tạo trong triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng.

(Kèm theo đề cương tuyên truyền Chương trình hành động số 51-CTr/TU).

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo TW (HN+p.Nam) (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các Đảng bộ trực thuộc,
- MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội,
- Sở Thông tin và Truyền thông,
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Đài Phát thanh và Truyền hình,
- Phòng Thông tin-Tuyên truyền,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Huỳnh Bách Chiến

ĐỀ CƯƠNG

Quán triệt, tuyên truyền thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU, ngày 05/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Ngày 05/5/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 51-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, theo đó đánh giá một số kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu tập trung thực hiện tốt một số nội dung cơ bản như sau:

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Quán triệt đầy đủ 05 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị:

+ Quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân.

+ Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay để khắc phục các tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

+ Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh kinh tế hoá nguồn vật lực, trong đó tập trung vào nguồn lực tài nguyên thiên nhiên. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, đúng thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn trong từng thời kỳ. Tất cả các nguồn lực của nền kinh tế phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, minh bạch, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và huỷ hoại môi trường.

- Thực hiện quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, minh bạch, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và bền vững các nguồn lực; kiểm kê, đánh giá đầy đủ,

thực chất các nguồn lực của nền kinh tế để xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn trong từng thời kỳ; thu hút đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực: Công nghiệp, cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng, du lịch chất lượng cao và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đảm bảo hệ thống tài chính ngân sách của địa phương được an toàn, bền vững.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm an ninh - quốc phòng; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, xây dựng Bà Rịa - Vũng Tàu thành hình mẫu về phát triển bền vững của cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đối với nguồn nhân lực:

- *Đến năm 2025:* Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong các doanh nghiệp đạt 78%. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 21,3% tổng số lao động của tỉnh. Số bác sĩ đạt 10 bác sĩ/vạn dân. Hạn chế tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực trong nền kinh tế; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp thực tài.

- *Đến năm 2035:* Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong các doanh nghiệp đạt 83%, đáp ứng 85% nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 17% tổng số lao động của tỉnh. Số bác sĩ đạt 12 bác sĩ/vạn dân.

- *Đến năm 2045:* Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong các doanh nghiệp đạt 90%, đáp ứng 90% nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 12% tổng số lao động của tỉnh.

b) Đối với nguồn vật lực:

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân. Phần đầu tăng giá trị sản xuất và thu nhập trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp gấp 1,5 lần so với hiện nay. Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép, khai thác tài nguyên khoáng sản. Xây dựng và duy trì vận hành mạng lưới quan trắc tài nguyên, môi trường.

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội. Hoàn thành 70% các công trình đầu tư công trọng điểm và xử lý dứt điểm các công việc liên quan để kêu gọi đầu tư công trình trọng điểm vốn doanh nghiệp.

- Đến năm 2035:

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai. Phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất. Hoàn thiện hệ thống mạng lưới quan trắc tài nguyên, môi trường theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc

xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối thuận tiện, đặc biệt hoàn thiện đầu tư hạ tầng cảng, kết nối cảng với khu vực và quốc tế. Hoàn thành dứt điểm các công trình đầu tư công trọng điểm.

- Đến năm 2045:

+ Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Đối với nguồn tài lực:

- Đến năm 2025:

+ Bảo đảm cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực, không để nợ công. Tốc độ tăng thu nội địa bình quân 5 năm (2021-2025) là 5%; thu từ khai thác tài sản công đạt 10% tổng nguồn thu ngân sách địa phương. Chi ngân sách chỉ bố trí trong khả năng nguồn thu, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển luôn chiếm trên 47% tổng chi ngân sách. Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 1,37%/năm.

+ Đến năm 2025, tỷ trọng tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8%.

- Đến năm 2030:

+ Bảo đảm cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực, không để bội chi ngân sách nhà nước, không để nợ công. Tốc độ tăng thu nội địa bình quân 5 năm (2026-2030) là 5%; thu từ khai thác tài sản công đạt 10% tổng nguồn thu ngân sách địa phương. Tăng chi cho đầu tư phát triển, năm 2030 tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm 58% tổng chi ngân sách.

+ Tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt mức 5%, cơ bản khắc phục tình trạng đô la hóa. Nợ xấu của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng dưới 3%.

- Đến năm 2045:

+ Bảo đảm cân đối ngân sách địa phương theo hướng tích cực, không để bội chi ngân sách nhà nước, không để nợ công.

+ Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; giảm dần tỷ trọng tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Thường xuyên tổ chức rà soát các quy định pháp luật đối với từng nguồn lực nhằm phát hiện các nội dung quy định chưa phù hợp để đề xuất Trung ương sửa đổi hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh do phù hợp với tình hình thực tế.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ.

Thực hiện các giải pháp khơi thông nguồn vốn ngoài ngân sách nhằm bổ sung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm, đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực:

a) Nâng cao nhận thức, tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo:

- Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức, thực hiện tốt chủ trương coi giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá, hội nhập quốc tế, phát triển giáo dục - đào tạo gắn với phát triển khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; thường xuyên tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, học sinh THPT; tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên vừa tốt nghiệp hoặc sinh viên đang học, giúp học sinh, sinh viên tiếp cận cơ hội nghề nghiệp phù hợp, kịp thời có thông tin về thị trường lao động để lựa chọn ngành nghề, cấp độ đào tạo phù hợp.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, phương án thi, kiểm tra, đánh giá kết quả, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết thực tiễn; đa dạng hóa hình thức đào tạo, học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học.

- Tập trung đào tạo lao động có tay nghề cao theo hướng đạt chuẩn đầu ra, trong đó chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, kiến thức pháp luật, kiến thức bảo vệ môi trường, gắn đào tạo với thực hành và tuyển dụng tại các doanh nghiệp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhất là bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học để áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến, khuyến khích tự đào tạo để đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy trong tình hình mới.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực:

- Tăng cường quản lý nhà nước về lao động, không để xảy ra tình trạng vi

phạm pháp luật lao động, nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động,...

- Xây dựng cơ chế, chính sách để kết hợp giữa thu hút dự án đầu tư cùng với giải quyết việc làm lao động địa phương và thu hút lao động trình độ cao. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút và giữ chân nhân tài làm việc tại tỉnh.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển dịch cơ cấu lao động để giảm dần tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác, gắn đào tạo với giải quyết việc làm.

- Tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để mọi người lao động thể hiện và phát huy tối đa năng lực của bản thân. Cải thiện điều kiện, môi trường làm việc, áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, an toàn để tạo động lực, khuyến khích lao động sáng tạo, hiệu quả. Tạo môi trường sống tốt, hỗ trợ về an sinh xã hội cho người lao động và gia đình về nhà ở, nhà trẻ, trường học, văn hóa, thể thao, an ninh trật tự,...

- Xây dựng khung chỉ tiêu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức để có kế hoạch đào tạo, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, ... bảo đảm công bằng, hợp lý, tạo tính cạnh tranh; thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, gắn với kết quả hoạt động công vụ và hiệu suất làm việc.

- Đổi mới công tác đào tạo, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ tiền lương đối với các đơn vị hành chính công; đồng thời tạo cơ hội, động lực cho cán bộ, công chức, viên chức cống hiến cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ, đồng thời kịp thời khen thưởng, động viên đối với cán bộ, công chức có đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, đóng góp về tài chính, nhân lực, vật lực xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục năng khiếu.

c) Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả:

- Phát triển thị trường lao động lành mạnh, cạnh tranh. Tổ chức các sàn giao dịch việc làm truyền thống và điện tử.

- Phối hợp các ngành để dự báo, để nắm bắt thông tin kịp thời nhu cầu sử dụng lao động về số lượng, ngành nghề, trình độ, ... của các dự án đầu tư đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo phù hợp, theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Xây dựng mạng lưới và khuyến khích phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm, tổ chức thị trường lao động thường xuyên, công khai, minh bạch; kết nối

hệ thống các sàn giao dịch, giới thiệu việc làm và các điểm giao dịch việc làm. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, thông tin cung - cầu nhân lực, việc làm.

2.2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Đẩy mạnh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo đất sạch thu hút đầu tư với các giải pháp như: Xây dựng khung giá đất phù hợp với giá thị trường; hoàn thiện các phương pháp xác định giá đất bảo đảm khách quan, minh bạch, phù hợp với giá thị trường; giá đất được tính đúng, tính đủ các giá trị tăng thêm từ các yếu tố lợi thế; điều chỉnh mức hỗ trợ tái định cư bằng tiền với mức hỗ trợ sát với giá thị trường; khuyến khích các hộ nhận tiền bồi thường về đất, nhận khoản hỗ trợ tự lo chỗ ở, hạn chế việc bố trí tái định cư bằng đất; hoàn chỉnh các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và hướng nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất; lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng quỹ nhà, quỹ đất tái định cư đảm bảo nhu cầu giải phóng mặt bằng;...

- Tiếp tục quản lý và xây dựng phương án khai thác quỹ đất công, đất có giá trị kinh tế cao nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất, qua đó tạo quỹ đất sạch phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh như điều tra, nắm bắt thực trạng; hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật, pháp lý; hoàn thành các thủ tục hành chính; kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật; xử lý các vi phạm; hướng đến việc quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả và phát triển bền vững.

- Đảm bảo các nguồn tài nguyên lợi thế của tỉnh được khai thác, sử dụng hiệu quả, các dự án có sử dụng đất đảm bảo được lựa chọn công khai, minh bạch theo quy định pháp luật bởi các nhà đầu tư có năng lực tốt nhất.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chuyên canh, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 đơn vị diện tích đất, nâng cao năng suất, chất lượng, thương hiệu nông sản chủ lực của tỉnh phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; hình thành và phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, hình thành một số mô hình nông nghiệp hữu cơ; nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, đa dạng về số lượng chất lượng các loài động, thực vật rừng. Triển khai Đề án di dời và tái định cư các hộ dân cư trú canh tác trong Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu; tiếp tục quản lý và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu gắn với thu hút đầu tư phát triển du lịch. Triển khai

có hiệu quả chính sách giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp.

- Điều tra, dự báo, đánh giá trữ lượng nguồn lợi hải sản, khả năng cho phép khai thác, làm cơ sở quy hoạch phát triển nghề cá của tỉnh, cấp phép khai thác theo hạn ngạch, đảm bảo thực hiện việc khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản. Lập và triển khai quy hoạch nuôi ven biển, nuôi trên biển và hải đảo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản biển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động cấp phép, khai thác, chế biến, xuất khẩu tài nguyên khoáng sản; xử lý nghiêm các trường hợp khai thác tài nguyên không phép, trái phép, không đúng quy hoạch.

- Triển khai lập dự án Điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có tính tới tác động biến đổi khí hậu và nước biển dâng; dự án Xây dựng danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác trên địa bàn tỉnh. Thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; triển khai Đề án xây dựng bản đồ khoanh vùng bảo vệ hồ chứa nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, kiểm tra giám sát các dự án nạo vét lòng hồ. Kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước, các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Triển khai lập Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đẩy mạnh huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, đặc biệt chú trọng đến đầu tư hạ tầng cảng, kết nối cảng với khu vực. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các công trình trọng điểm nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung nguồn lực xây dựng các tuyến giao thông nhằm hoàn thiện hành lang công nghiệp, cảng biển, hậu cần cảng, dầu khí dọc Quốc lộ 51 và đô thị mới Phú Mỹ; đường vào các khu quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hành lang du lịch ven biển; trong đó, tập trung đầu tư và hoàn thành đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải, đường Phước Hòa - Cái Mép, đường 991B, đường Long Sơn - Cái Mép, tuyến đường sau cảng, dự án Quốc lộ 56 - đoạn tránh thành phố Bà Rịa. Phối hợp với Trung ương và các địa phương khác trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam nhanh chóng triển khai dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cầu Phước An, nâng cấp luồng hàng hải, đường thủy nội địa, đầu tư đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối cảng Cái Mép - Thị Vải, đường vành đai 4, nâng cấp cảng hàng không Côn Đảo, đầu tư mới sân bay Gò Găng.

- Phát triển mạng lưới trường học các cấp bảo đảm nhu cầu dạy và học. Nâng cao quy mô, chất lượng đào tạo cấp Đại học và đào tạo nghề đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực tinh và giải quyết tốt việc làm. Thực hiện Đề án nâng giường bệnh cho một số đơn vị, huy động các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp và dân cư phát triển cơ sở vật chất y tế: Bệnh viện tư nhân, phòng khám tư nhân, cơ sở điều dưỡng... Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng thêm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất thể dục thể thao tuyến cơ sở; hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng Khu liên hợp thể thao tỉnh. Thúc đẩy phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, an toàn, an ninh thông tin.

- Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường; hoàn thành các dự án thu gom, xử lý nước thải đô thị; các cụm công nghiệp để di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; phát triển các nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên thu hút những dự án có công nghệ hiện đại, tiêu thụ ít năng lượng.

- Triển khai các chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo đất sạch thu hút đầu tư và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất như: Hoàn chỉnh, ban hành các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và hướng nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất; điều chỉnh mức hỗ trợ tái định cư bằng tiền với mức hỗ trợ sát với giá thị trường; khuyến khích các hộ nhận tiền bồi thường về đất, nhận khoản hỗ trợ tự lo chỗ ở, hạn chế việc bố trí tái định cư bằng đất; lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng quỹ nhà, quỹ đất tái định cư đảm bảo nhu cầu giải phóng mặt bằng;...

- Kiên trì với mục tiêu thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, có tính lan tỏa, có giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng lao động và không xâm hại môi trường, tập trung vào các lĩnh vực: Cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng, công nghiệp, du lịch chất lượng cao và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích, tạo điều kiện và tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ban hành Danh mục dự án kêu gọi đầu tư trọng điểm giai đoạn 2020 - 2025, Danh mục dự án kêu gọi đầu tư các lĩnh vực xã hội hóa giai đoạn 2020 - 2025. Hoàn chỉnh và ban hành các văn bản liên quan để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư dưới rừng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phối hợp chặt chẽ và xin ý kiến của cơ quan Trung ương, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư các dự án trọng điểm như khu đô thị Gò Găng, khu đô thị Tây Nam Bà Rịa, khu đất Safari, Núi Dinh, Paradise, mũi Nghinh Phong, khu trung tâm Logistics Cái Mép hạ,...

- Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp khẩn trương đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, đồng thời tham gia đề xuất tỉnh thu hút đầu tư lấp đầy khu công nghiệp, nhằm khai thác có hiệu quả đất đai, nguồn vốn đầu tư và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, xử lý các dự án chậm triển khai; duy trì tổ chức

đổi thoại với các nhà đầu tư để nắm bắt vướng mắc, nguyện vọng nhằm có giải pháp giải quyết phù hợp đối với từng dự án; tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác hậu kiểm để kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh, xử lý những dự án thực hiện không đúng với cam kết theo quy định của pháp luật.

2.3. Đối với nguồn tài lực:

- Phát triển nguồn thu ngân sách cả chiều rộng và chiều sâu. Tăng cường công tác quản lý tài sản công, nhất là đối với trụ sở và các lô đất công trên địa bàn tỉnh, nhằm quản lý thống nhất, tập trung, qua đó có kế hoạch khai thác (bán, cho thuê liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư công tư, thu hút nhà đầu tư chiến lược để thực hiện công trình trọng điểm theo định hướng của tỉnh) nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và phát huy được hiệu quả sử dụng tài sản công.

- Thực hiện rà soát hồ sơ quản lý, sử dụng đất đai của các đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trên cơ sở đó thực hiện thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất theo đúng chế độ quy định, hạn chế thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước từ đất đai.

- Tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm các nguồn vốn ngoài ngân sách khác (huy động sự đóng góp của doanh nghiệp được hưởng lợi từ các dự án do nhà nước đầu tư...) nhằm bổ sung nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm của tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng tại địa phương, tạo tiền đề thu hút đầu tư.

- Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư phát triển nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, phát triển hạ tầng của địa phương.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp, qua đó giảm dần nhiệm vụ chi của ngân sách.

- Thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2020 - 2025; thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước theo kế hoạch. Thực hiện rà soát các khoản đầu tư tài chính, các dự án đầu tư trong và ngoài ngành của doanh nghiệp nhà nước không hiệu quả, xử lý các tồn tại vướng mắc về nhà đất, công nợ để thực hiện việc cơ cấu, thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Tiếp tục cơ cấu kiện toàn nhằm đổi mới tổ chức bộ máy, từng bước nâng cao khả năng tự chủ của các đơn vị sự nghiệp; đẩy mạnh thực hiện đầu thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ công... nhằm tạo sự tham gia của các thành phần kinh tế vào việc cung cấp hàng hóa dịch vụ công, qua đó giảm dần sự phụ thuộc của các đơn vị vào ngân sách nhà nước.

- Đổi mới khuôn khổ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối và vàng. Phát triển quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hệ thống thanh tra, giám sát ngân hàng, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

- Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Hoàn thiện mô

hình các tổ chức tài chính khác hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Tăng cường ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng.